

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2025/DS-PT

Ngày: 05/9/2025

V/v: *Tranh chấp “Đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất lấn chiếm;
Yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản
trên đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hằng và ông Lâm Bách

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Ngọc Khương - Thư ký viên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp: *“Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất lấn chiếm; Yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất”.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Đăng T, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: TN A T, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quang T2, sinh năm 1991 (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/5/2025), (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A L, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

2. Bà Trương Thị Diễm C, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

3. Bà Trương Thị Anh C1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A L, phường P, tỉnh Khánh Hòa

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Văn T1 kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn Khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Trương Đăng T trình bày:

Ông được cha mẹ để lại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-(9) địa chỉ: A đường L, phường T, thành phố P - T và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 273752 do Ủy ban nhân dân thành phố P - T cấp ngày 10/7/2013 (Sau đây gọi tắt là thửa đất số 60). Trước đây trên thửa đất số 60, cha ông T có xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, phần tiếp giáp với nhà ông T1 cha ông T xây dựng lùì vào một chút để mở cửa sổ (cửa sổ nhà hướng ra phía nhà ông T1) và để cho nước mưa chảy ra. Năm 2021, ông T đập căn nhà này đã bị phá dỡ, chỉ còn phần nền xi-măng của ngôi nhà cũ, hiện nay trên đất là đất trống.

Năm 2021, ông T muốn xây dựng nhà trên thửa đất 60 thì gia đình ông T1 không cho và cho rằng phần diện tích đất mà khi trước để nước mưa chảy ra thuộc phần đất của ông T1. Thửa đất của ông T và ông T1 có tranh chấp là 01 tường gạch, cao 0,5m, dày 10cm, tuy nhiên bức tường này có lấn một phần vào thửa đất số 60 của ông T.

Ông T đã được xem Trích lục bản đồ địa chính khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 29/10/2024, ông T cho rằng ông T1 đã lấn vào đất của ông T diện tích là 1,7m² được giới hạn bởi các điểm (11, 19, 17, 18) theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N lập ngày 29/10/2024; Trong phần diện tích lấn chiếm 1,7m² có 01 bức tường gạch cao 0,5m, rộng 10cm và một phần mái tol phía trên phần diện tích 1,7m².

Ông T yêu cầu ông T1 phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm của ông T là 1,7m² được giới hạn bởi các điểm (11, 19, 17, 18) theo Trích lục bản đồ địa

chính khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 29/10/2024 và đập bỏ bức tường gạch, di dời phần mái tôn trên phần diện tích đất lấn chiếm của ông.

Trong quá trình tố tụng bị đơn là ông Trương Văn T1 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trương Quang T2 trình bày:

Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 02 phường T (sau đây gọi là thửa đất số 159) do cha mẹ vợ của ông T1 là ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị R để lại cho vợ chồng ông T1 (Trương Văn T1, Nguyễn Thị N) và ngày 30/3/1993, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A457989 đứng tên ông T1. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Trương Văn T1 và bà Nguyễn Thị N. Trên đất vợ chồng ông T1 đã cất nhà và đang sống cùng hai con là Trương Thị Diễm C, Trương Thị Anh C1.

Năm 2021, ông T tự đập nhà cũ trên thửa đất số 60, ngôi nhà cũ có cửa sổ mở hướng vào nhà của ông T. Từ khi ông T đập ngôi nhà cũ trên thửa đất số 60 thì nói vợ chồng ông T1 lấn chiếm đất nhà ông T rồi đưa đơn kiện. Ông đã được xem Trích lục bản đồ địa chính khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 29/10/2024 và xác định phần diện tích 1,7m² được giới hạn bởi các điểm (11, 19, 17, 18) là phần đất thuộc gia đình ông T1 do gia đình ông T1 chừa lại để nước mưa chảy ra.

Lúc trước, em của ông T qua nhà xin gia đình vợ chồng ông T1 làm đường nước chạy ra trên phần diện tích tranh chấp để buôn bán trà sữa, vì nghĩ đến tình làng nghĩa xóm thì vợ chồng ông T1 đồng ý. Hiện nay bà T4 em ông T không còn bán trà sữa nữa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T1 đã được cấp trước ông T và từ lúc gia đình ông T1 sử dụng nhà đất đến nay, hiện trạng nhà đất trên thửa đất số 159 không thay đổi. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, gia đình ông không đồng ý.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, Trương Thị Diễm C, Trương Thị Anh C1 đều trình bày:

Bà Nguyễn Thị N, bà Trương Thị Diễm C, Trương Thị Anh C1 thống nhất với trình bày của ông Trương Văn T1, ông Trương Quang T2 và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu trả lại phần diện tích đất 1,7m² được giới hạn bởi các điểm (11, 19, 17, 18) theo Trích lục bản đồ địa chính khu

đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 29/10/2024 và di dời, tháo dỡ các tài sản trên đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa) quyết định:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 163, 164, 165, 166, 185 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 11, 26 của Luật đất đai; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trương Đăng T đối với bị đơn ông Trương Văn T1.

Buộc ông Trương Văn T1, bà Nguyễn Thị N, bà Trương Thị Diễm C, Trương Thị Anh C1 phải trả lại phần diện tích 1,7m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-(9) phường T (nay là phường K), thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận được xác định theo các vị trí (11,19, 17, 18) tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N.

Buộc ông Trương Văn T1, bà Nguyễn Thị N, bà Trương Thị Diễm C, Trương Thị Anh C1 tháo dỡ tường gạch, di dời một phần mái tol (một kèo của mái tol đặt phía trên tường gạch) để trả lại phần diện tích 1,7m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-(9) phường T, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận được xác định theo các vị trí (11, 19, 17, 18) tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N cho ông Trương Đăng T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/6/2025, bị đơn ông Trương Văn T1 kháng cáo toàn bộ Bản án số 25/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đưa bà Trương Thị Diễm C, Trương Thị Anh C1 tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và xác định quan hệ tranh chấp là chưa phù hợp. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn T1; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn T1 được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, xác định chưa đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp, do đó cấp phúc thẩm xác định lại cho phù hợp, tranh chấp: *“Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất lấn chiếm; Yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất”*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa) là đúng quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự tham gia tố tụng của đương sự:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Đồng thời, liên quan đến yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất nên Bản án sơ thẩm xác định những người hiện đang sinh sống trên đất gồm bà Nguyễn Thị N và các con là: Trương Thị Diễm C, Trương Thị Anh C1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/10/2024 Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/10/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N thể hiện: đất tranh chấp diện tích 1,7m², tại các điểm (11, 19, 17, 18) thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-(9) phường T, hiện diện tích này do gia đình ông T1 đang sử dụng. Hiện trạng có một tường gạch cao 0,5m, dài 5,4m, dày 10cm, có một phần mái tol (một kèo của mái tol đặt phía trên tường gạch) phía trên phần diện tích đất tranh chấp. Các bên đương sự đều thống nhất với kết quả đo đạc, trích lục bản đồ địa chính nên làm căn cứ để giải quyết.

[2.2] Quá trình thu thập chứng cứ xác định:

Ông Trương Đăng T là chủ sử dụng hợp pháp quyền sử dụng đất thửa số 60, tờ bản đồ số 2-(9), phường T, diện tích 71,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 273752 ngày 10/7/2013, nguồn gốc do nhận thừa kế. Tại trích đo của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện mặt tiền giáp đường có bề ngang 3,3m.

Ông Trương Văn T1, bà Nguyễn Thị N là chủ sử dụng quyền sử dụng đất thửa số 159, tờ bản đồ số 2, phường T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00150/QSDĐ/TT/2 ngày 30/3/1993, có nguồn gốc đất nhận sang nhượng.

Qua đo đạc xác định diện tích tranh chấp 1,7m² tại các điểm mốc (11, 19, 17, 18) thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-(9) đã được cấp Giấy chứng nhận cho ông Trương Đăng T vào năm 2013, không bị cấp chồng với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 2, phường T.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận gia đình ông T trước đây khi xây dựng nhà có để ô cửa sổ tiếp giáp đất tranh chấp. Tuy nhiên nguyên đơn xác định phần đất này cha mẹ nguyên đơn để trống mục đích trở cửa sổ để mở ra lấy gió và ánh sáng; Bị đơn xác định cửa sổ nhà ông Trương Đăng T mở vào ở phía bên trong nhà và cung cấp giấy xác nhận của người làm chứng nhưng giấy tờ này không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không đủ yếu tố khách quan để được xác định là chứng cứ theo Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2024 thể hiện: “Chính quyền địa phương không xác định được cửa sổ ngôi nhà đã đập bỏ trên thửa đất số 60 mở

ra phía ngoài hay mở vào bên trong”. Bị đơn ông T1 cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất của bị đơn thiếu diện tích so với diện tích theo giấy chứng nhận được cấp năm 1993. Trong khi đó, qua đo đạc thửa đất của nguyên đơn ông Thanh T5 diện tích ở bề ngang mặt đường 25cm so trích lục giấy chứng nhận được cấp. Việc bị đơn xây dựng hàng ranh chiều cao 0,5m không được chủ sở hữu bất động sản liền kề đồng ý. Đồng thời, ranh giới đất khi nguyên đơn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đã được bà Nguyễn Thị N (vợ bị đơn) là người ký xác nhận, hiện nay ranh giới, mốc giới so kết quả kiểm tra hiện trạng trước đây đã thay đổi, việc sử dụng đất của bị đơn có diện tích 1,7m² nằm trong thửa đất được cấp quyền sử dụng cho ông T là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật quy định tại Điều 165 của Bộ luật dân sự. Ranh giới đất giữa hai hộ đã được xác định, vì vậy cần tiếp tục tôn trọng ranh giới giữa hai thửa đất, ông T1 phải có nghĩa vụ sử dụng đất theo đúng mốc giới, ranh giới giữa các bất động sản theo quy định tại Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại Điều 166 của Bộ luật dân sự quy định: “Chủ sở hữu, chủ thể khác có quyền đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn di dời, tháo dỡ tường gạch, một phần mái tol (một kèo của mái tol đặt phía trên tường gạch) để trả lại cho nguyên đơn quyền sử dụng diện tích 1,7m² được xác định theo các mốc giới (11, 19, 17, 18) là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh diện tích đất 1,7m² đang tranh chấp là phần đất thuộc thửa đất số 159 được cấp giấy chứng nhận cho ông T1 nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – T (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa).

[3] Về chi phí tố tụng: Số tiền 5.000.000 đồng phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích lục bản đồ địa chính. Do yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trương Văn T1 là người cao tuổi, có đơn nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo ông T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Các Điều 6, Khoản 2, 9 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 91, Điều 95, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 165, 166, Điều 175, Điều 176, của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11, Điều 26 Luật đất đai năm 2024; Các Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST, ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – T (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa). Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Đăng T đối với bị đơn ông Trương Văn T1 về việc tranh chấp: *“Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất lấn chiếm; Yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất”*.

Buộc ông Trương Văn T1, bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho ông Trương Đăng T quyền sử dụng diện tích 1,7m² thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-(9) phường T (nay là phường P), được xác định bởi các mốc giới (11, 19, 17, 18) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/10/2024 của Văn phòng Đ.

Buộc ông Trương Văn T1, bà Nguyễn Thị N và các thành viên đang sinh sống trên đất là bà Trương Thị Diễm C, bà Trương Thị Anh C1 phải có nghĩa vụ tháo dỡ tường gạch, di dời một phần mái tol (một kèo của mái tol đặt phía trên

tường gạch) trên diện tích 1,7m² được xác định bởi các mốc giới (11, 19, 17, 18) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/10/2024 của Văn phòng Đ.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Trương Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trương Đăng T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích lục bản đồ địa chính.

3. Về án phí dân sự: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trương Văn T1.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/9/2025).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa (1);
- TAND khu vực 5 – Khánh Hòa (1);
- **Thi hành án dân sự Khánh Hòa (1);**
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang